

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN HỒ  
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 54/2022/HSST.  
Ngày 23/12/2022.

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒN ĐẤT - TỈNH KIÊN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trịnh Thị Hồng Điệp.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1/ Ông Nguyễn Văn Dũng.

2/ Ông Nguyễn Thành Thái.

***Thư ký phiên tòa:*** Ông Lâm Nguyễn Thanh Huy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồn Đất, tỉnh Kiên Giang.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện HỒ tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thúy Diễm - Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện HỒ, tỉnh Kiên Giang mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hình sự thụ lý số: 55/2022/HSST ngày 21/11/2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2022/QĐXXST-HS ngày 02/12/2022 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Văn Nh**, sinh năm: 1982; Giới tính: Nam; Nơi cư trú: Ấp Số 1, xã ĐH, huyện KS, tỉnh Sóc Trăng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: lớp 8/12; Nghề nghiệp: tài xế; Con ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1949 (chết) và bà Đỗ Thị T, sinh năm 1950; Anh (chị) em ruột: gồm 09 người, lớn nhất sinh năm 1973, nhỏ nhất sinh năm 1988, bị cáo là người con thứ 6 trong gia đình.

Họ và tên vợ: Nguyễn Thị Tú Q, sinh năm 1981 (đã ly hôn).

Địa chỉ: khu phố ĐH, thị trấn HỒ, huyện HỒ, tỉnh Kiên Giang.

Con: Có 01 người con tên Nguyễn Bảo H, sinh năm 2005.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/8/2022 cho đến nay.

(bị cáo có mặt tại phiên tòa)

\* *Người bị hại:* Ông **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1968; Địa chỉ: Tổ 01B, khu phố TT, thị trấn HĐ, huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang (có mặt).

\* *Những người làm chứng:*

- NLC1.

- NLC2.

- NLC3.

- NLC4.

- NLC5.

- NLC6.

- NLC7.

(những người làm chứng đều vắng mặt phiên tòa)

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng năm 2002 Nguyễn Văn Nh chung sống như vợ chồng với chị Nguyễn Thị Tú Q, sinh năm 1981 ngụ tại khu phố ĐH, thị trấn HĐ, huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang; Nh và Q có 01 người con chung tên Nguyễn Bảo H, sinh năm 2005. Đến năm 2014 Nh và Q không còn chung sống với nhau nên Nh đi làm thuê cho Công ty Kiên Phú ở Quốc lộ 1A, khu phố 2, phường TMT, quận X, thành phố Hồ Chí Minh. Đến khoảng 04 giờ 30 phút ngày 22/8/2022, Nh đi xe khách từ cầu An Sương thuộc quận X, thành phố Hồ Chí Minh đến cầu vượt thị trấn HĐ thuộc khu phố ĐH, thị trấn HĐ, huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang để xin địa chỉ và số điện thoại của vợ, con Nh. Do trời còn tối nên Nh ngồi ở quán cà phê gần đầu đường, gần sáng Nh đi bộ vào nhà NLC1 (tên thường gọi là T), ngụ tại khu phố ĐH, thị trấn HĐ, huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang (là người quen trước đây của Nh). Tại nhà NLC1, Nh và NLC1 cùng với 01 người đàn ông khác (không rõ họ tên, địa chỉ) tổ chức nhậu, sau khi uống hết 02 lít rượu trắng thì nghỉ. Nh và NLC1 đi xe

ôm đến nhà bạn của NLC1 tên NLQ2, ngụ tại Trung tâm thương mại thị trấn HĐ thuộc tổ 1B khu phố TT, thị trấn HĐ, huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang để tiếp tục nhậu với NLC2 và 01 người thanh niên khác (cũng không rõ họ tên, địa chỉ); sau khi uống được 04 - 05 ly rượu thì NLC1 và người thanh niên kia đi về bằng xe ôm còn Nh và NLC1 tiếp tục uống được gần 01 lít rượu trắng thì nghỉ nhậu. Lúc này, khoảng 12 giờ ngày 22/08/2022 Nh đi bộ ngang qua nhà ông Nguyễn Văn T, ngụ tại tổ 01B, khu phố TT, thị trấn HĐ, huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang thì thấy 01 chiếc xe mô tô biển số 68D1-117.99; loại xe Dream của ông T đang đậu trên sân phía sau nhà, không rút chìa khóa và không có người trông coi nên Nh nảy sinh ý định lấy trộm xe mô tô trên để đi cầm lấy tiền nhậu tiếp. Sau khi quan sát không thấy chủ xe và không có người phát hiện nên Nh lên xe mô tô biển số 68D1-117.99 mở khóa điều khiển xe chạy ra quốc lộ 80 rồi chạy đến nhà NLC1 thì bị ngã xe, NLC1 từ trong nhà chạy ra dựng xe lên và hỏi “Xe này của ai” thì Nh trả lời là xe của bà con Nh ở Đầu Doi rồi rủ NLC1 điều khiển xe mô tô biển số 68D1-117.99 đến quán nhậu Huỳnh Mai thuộc tổ 11, khu phố CS, thị trấn HĐ, huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang để nhậu tiếp thì được NLC1 đồng ý.

Tại quán Huỳnh Mai, khi tính tiền Nh không có tiền trả nên kêu Lê Hoàng Kh - là tiếp viên của quán cầm xe để trả tiền nhậu; Kh không đồng ý nên Nh nhờ Nguyễn Văn M cũng là tiếp viên của quán tìm người cầm xe dùm, lúc này M gọi điện cho NLC3, ngụ tại khu phố ĐH, thị trấn HĐ, huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang để hỏi xem có ai cầm xe không thì NLC3 gọi điện cho NLC4, ngụ tại khu phố ĐH, thị trấn HĐ, huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang nói có người cầm xe kêu NLC4 chạy xuống coi thì NLC4 và NLC7 (con ông T) để cùng đến nhà NLQ3 coi xe, khi coi xe thì NLC7 xác định đúng là xe của cha mình (ông Nguyễn Văn T) nên đến Công an thị trấn HĐ trình báo. Qua làm việc Nh khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại bản kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 23/KL-HĐĐGTS ngày 30/8/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện HĐ đã kết luận giá trị của xe mô tô biển số 68D1-117.99 là 10.000.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số: 55/CT-VKS-HĐ ngày 18/11/2022 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện HĐ truy tố bị cáo Nguyễn Văn Nh về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

*Tại phiên tòa:*

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện HĐ giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn Nh phạm tội “Trộm cắp tài sản” và đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Nh từ 06 (sáu) tháng đến 09 (chín) tháng tù; về vật chứng đã xử lý xong; về trách nhiệm dân sự bị hại ông Nguyễn Văn T không yêu cầu gì; đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự; bị cáo Nh phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Bị cáo thừa nhận hành vi như cáo trạng truy tố và kết luận của kiểm sát viên tại phiên tòa là đúng; không tranh luận gì.

Bị hại đã nhận lại tài sản là chiếc xe mô tô biển số 68D1-117.99, không yêu cầu bồi thường và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Nguyễn Văn Nh.

Lời nói sau cùng của bị cáo trước khi HĐXX vào nghị án: Bị cáo bày tỏ sự hối hận về hành vi của mình và xin HĐXX giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện HĐ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện HĐ và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét hành vi phạm tội của bị cáo: HĐXX xét thấy lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, biên bản khám nghiệm hiện trường và các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Từ đó có đủ căn cứ xác định: Vào khoảng 12 giờ ngày 22/08/2022, tại tổ 01B, khu phố TT, thị trấn HĐ, huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang; lợi dụng sự sơ hở, mất cảnh giác trong việc quản lý tài sản của chủ sở hữu, Nh đã lén lút chiếm đoạt chiếc xe mô tô biển số 68D1-117.99 của ông Nguyễn Văn T, tài sản bị cáo chiếm đoạt có giá trị còn lại tại thời điểm bị lấy

trộm là 10.000.000đồng. Khi chiếm đoạt tài sản bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ được hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật. Song với mục đích để có tiền tiêu xài cá nhân bị cáo vẫn cố ý thực hiện nên hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự. Do đó, Viện kiểm sát truy tố và kết luận bị cáo Nh phạm tội trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) là có căn cứ và đúng pháp luật.

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật hình sự bảo vệ, gây mất trật tự trị an trên địa bàn. Vì vậy, HĐXX thấy rằng cần buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù tại trại giam, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống chung của xã hội một thời gian thì mới đủ tác dụng trừng trị, giáo dục bị cáo trở thành người tốt và đấu tranh phòng ngừa tội phạm chung.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội lần đầu ít nghiêm trọng và trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, HĐXX xác định đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Do đó, HĐXX sẽ xem xét áp dụng để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng nào.

[6] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có tài sản gì có giá trị nên HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về việc định tội danh, khung hình phạt cũng như việc áp dụng các điều luật để xử lý vụ án là có căn cứ pháp luật nên HĐXX chấp nhận.

[8] Về vật chứng: 01 chiếc xe mô tô mang biển số 68D1-117.99, Cơ quan điều tra Công an huyện HĐ thu giữ và đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là ông Nguyễn Văn T; vật chứng đã được xử lý xong nên HĐXX không xét.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản và không yêu cầu gì thêm nên HĐXX miễn xét.

[10] Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016 UBTVQH quy định về lệ phí án phí tòa án buộc bị cáo Nguyễn Văn Nh phải chịu 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn Nh phạm tội “Trộm cắp tài sản”.
2. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).
- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Nh 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 23/8/2022.
3. Về vật chứng đã được xử lý xong nên miễn xét.
4. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu nên miễn xét.
5. Về hình phạt bổ sung: Căn cứ Khoản 2 Điều 35 và khoản 5 Điều 251 BLHS năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017), bị cáo còn chịu hình phạt tiền là hình phạt bổ sung. Tuy nhiên, xét thấy bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có tài sản gì có giá trị nên HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.
6. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016 UBTVQH quy định về lệ phí án phí tòa án; Buộc bị cáo Nguyễn Văn Nh phải nộp 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm.
7. Về quyền kháng cáo: Báo cho bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi Nhận:

- TAND Tỉnh KG;
- VKS Huyện HĐ;
- Cơ quan THA huyện HĐ;
- Nhà tạm giữ - CA HĐ;
- Bị cáo; Bị hại;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***(Đã ký và đóng dấu)***

**Trịnh Thị Hồng Diệp**